

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường Lộc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định nội dung chi, mức khoán chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

Xét Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Lộc Ninh về Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường Lộc Ninh; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-BVHXH ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường Lộc Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) trên địa bàn phường Lộc Ninh.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ hoặc tham gia trong công tác xây dựng văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường Lộc Ninh.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đảm bảo kinh phí phục vụ công tác xây dựng văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường Lộc Ninh.

Điều 2. Tổng mức chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường và nguyên tắc áp dụng

Tổng mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 15/5/2026 của HĐND thành phố Đồng Nai.

Điều 3. Nội dung chi, mức chi cho các nhiệm vụ trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường

1. Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường và Ủy ban nhân dân phường: Mức chi cụ thể thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Lộc Ninh theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Việc xác định nội dung chi, mức chi phải bảo đảm:

- a) Phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;
- b) Phù hợp với tính chất, mức độ phức tạp của từng loại văn bản;
- c) Bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch.

Điều 4. Nguồn kinh phí và phương thức thực hiện

1. Nguồn kinh phí cho công tác xây dựng văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường trên địa bàn phường Lộc Ninh do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và theo quy định về phân cấp Nhà nước hiện hành.

2. Việc thanh, quyết toán đối với từng nhiệm vụ quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản QPPL thì nội dung nhiệm vụ đã thực hiện theo đúng quy định

trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ra quyết định vẫn được thanh, quyết toán theo sản phẩm là kết quả nhiệm vụ đã thực hiện, tương ứng mức khoán chi quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân phường Lộc Ninh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường giám sát và vận động nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của nhân dân đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Các văn bản quy phạm pháp luật đã được thẩm định hoặc đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã hoàn thành, kết thúc trước ngày 15 tháng 5 năm 2026 nhưng chưa thực hiện thanh, quyết toán thì tiếp tục thực hiện theo các nội dung chi, mức chi quy định tại Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các văn bản có liên quan.

Các văn bản quy phạm pháp luật đã được thẩm định hoặc đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã hoàn thành, kết thúc từ ngày 15 tháng 5 năm 2026 nhưng chưa thực hiện thanh, quyết toán thì được áp dụng theo Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân phường Lộc Ninh khóa I, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Ủy ban nhân dân phường;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam phường;
- Các Ban của HĐND phường;
- Các Đại biểu HĐND phường khóa I;
- Các cơ quan đơn vị trực thuộc phường;
- Trang Thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Gia Hòa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG LỘC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC I

**Quy định nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ hoạt động
trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân
và Ủy ban nhân dân phường Lộc Ninh**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2026
của Hội đồng nhân dân phường Lộc Ninh)*

Đvt: đồng/văn bản

Loại văn bản		Tổng mức chi	Nhiệm vụ soạn thảo, góp ý	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, hồ sơ trình	Nhiệm vụ thẩm tra
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường	Văn bản mới, thay thế	10.000.000	5.200.000	800.000	1.000.000	3.000.000
	Văn bản sửa đổi, bổ sung 02 nghị quyết trở lên	10.000.000	5.200.000	800.000	1.000.000	3.000.000
	Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 nghị quyết	6.000.000	3.100.000	520.000	580.000	1.800.000
	Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ	4.000.000	2.100.000	320.000	380.000	1.200.000
Quyết định của Ủy ban nhân dân phường	Văn bản ban hành mới, thay thế	8.000.000	5.600.000	1.000.000	1.400.000	--
	Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên	8.000.000	5.600.000	1.000.000	1.400.000	--
	Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản	4.800.000	3.400.000	580.000	820.000	--
	Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ	2.400.000	1.700.000	300.000	400.000	--

PHỤ LỤC II

**Danh mục nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản
quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân
và Ủy ban nhân dân phường Lộc Ninh**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2026
của Hội đồng nhân dân phường Lộc Ninh)*

I. NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

**1. Văn bản mới, thay thế hoặc Văn bản sửa đổi, bổ sung 02 nghị quyết trở lên
hoặc Văn bản sửa đổi, bổ sung 02 nghị quyết trở lên**

Đvt: đồng/văn bản

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức chi	Ghi chú
I	NỘI DUNG CHI CHO NHIỆM VỤ SOẠN THẢO VĂN BẢN, THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		7.000.000	
1	Soạn thảo văn bản		5.200.000	
1.1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, .v.v.).	100.000	
1.2	Xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình, Dự thảo nghị quyết.	1.980.000	
1.3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải đảm bảo	1.560.000	

		thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan		
1.4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết	Hồ sơ dự thảo nghị quyết được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra	1.560.000	
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo		800.000	
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành		1.000.000	
II	THẨM TRA, THÔNG QUA		3.000.000	

2. Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức chi	Ghi chú
I	NỘI DUNG CHI CHO NHIỆM VỤ SOẠN THẢO VĂN BẢN, THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		4.200.000	
1	Soạn thảo văn bản		3.100.000	
1.1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, v.v.).	60.000	
1.2	Xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình, Dự thảo nghị quyết.	1.180.000	
1.3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị	930.000	

		quyết; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan		
1.4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết	Hồ sơ dự thảo nghị quyết được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra	930.000	
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo		520.000	
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành		580.000	
II	THẨM TRA, THÔNG QUA		1.800.000	

3. Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức chi	Ghi chú
I	NỘI DUNG CHI CHO NHIỆM VỤ SOẠN THẢO VĂN BẢN, THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		2.800.000	
1	Soạn thảo văn bản		2.100.000	
1.1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, .v.v.).	40.000	
1.2	Xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình, Dự thảo nghị quyết.	800.000	
1.3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để lấy ý kiến	630.000	

		đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan		
1.4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết	Hồ sơ dự thảo nghị quyết được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra	630.000	
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo		320.000	
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành		380.000	
II	THẨM TRA, THÔNG QUA		1.200.000	

II. QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

1. Văn bản ban hành mới, thay thế hoặc Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên

Dvt: đồng/văn bản

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức chi	Ghi chú
I	SOẠN THẢO VĂN BẢN		5.600.000	
1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, .v.v.).	100.000	
2	Xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình, Dự thảo quyết định.	2.140.000	
3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng	1.680.000	

		hoạt động cụ thể để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quyết định; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan		
4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định	Hồ sơ dự thảo quyết định được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định	1.680.000	
II	THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO		1.000.000	
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		1.400.000	

2. Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản

Đvt: đồng/văn bản

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức chi	Ghi chú
I	SOẠN THẢO VĂN BẢN		3.400.000	
1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, .v.v.).	60.000	
2	Xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình, Dự thảo quyết định.	1.300.000	
3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để lấy ý kiến	1.020.000	

		đối với hồ sơ dự thảo quyết định; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan		
4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định	Hồ sơ dự thảo quyết định được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định	1.020.000	
II	THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO		580.000	
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		820.000	

3. Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ

Đvt: đồng/văn bản

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức chi	Ghi chú
I	SOẠN THẢO VĂN BẢN		1.700.000	
1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, v.v.).	30.000	
2	Xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình, Dự thảo quyết định.	650.000	
3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quyết	510.000	

		định; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan		
4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định	Hồ sơ dự thảo quyết định được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định	510.000	
II	THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO		300.000	
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		400.000	